

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HSST

Ngày 07/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 01/2018/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xử số 01/2018/HSST-QĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T** - Sinh ngày 21/9/1995.

Nơi cư trú: Xóm 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bố đẻ: Trần Văn N - Sinh năm: 1964 (Đã chết)

Mẹ đẻ: Phạm Thị T - Sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Xóm 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Nghề nghiệp: Nấu ăn tại thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Nhân thân: Bản án số 67 ngày 20 tháng 12 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Văn T 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 08/9/2017 đến nay tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Bị hại: Ông Trần Văn K – Sinh năm: 1960

Trú tại: Xóm 10, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo Trần Văn T và người bị hại ông Trần Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 19/01/2017 Trần Văn T đi chơi sau đó về nhà ông Trần Văn K ở xóm 10 xã T là bác ruột của T để ngủ với anh Trần Văn V, sinh năm: 1990 là con trai ông K. Khoảng hơn 6 giờ T dậy và đi sang từ đường họ Trần ở gần nhà ông K để cùng người trong họ dựng cột cờ chuẩn bị cúng ông Công, ông Táo (23 tháng 12 âm lịch) theo cổ truyền. Sau khi xong việc bên từ đường T quay về nhà ông K và tiếp tục vào nằm với anh V. Khoảng 8 giờ anh V dậy dặn T coi nhà hộ rồi đi sang đám cưới nhà ông T1. T nằm ngủ đến 9h30' thì dậy. Biết nhà ông K đều đi giúp đám cưới, do không có tiền ăn tiêu nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà ông K. T đi lên ngôi nhà cấp 4 phía trên giáp đường 488B quan sát không có ai, cửa nhà phía đông khép và khóa bằng khóa dây cũ. T dùng tay giật mạnh làm bung khóa. T mở cửa đi vào thấy 01 chiếc két sắt, T đi đến chiếc tủ chùa kê áp tường phía đông lấy 01 tô vít sắt có phần mũi dẹt và 01 chiếc búa đinh ông K thường để ở đó. T dùng mũi dẹt tô vít, búa đinh phá cánh cửa to phía dưới của két sắt lấy 50.000 đồng và chiếc hộp tôn cho vào túi quần rồi khép lại cửa két, cất búa đinh, tô vít cất vào tủ chùa. T cầm chiếc hộp tôn ra bờ ao phía đông nhà ông K mở kiểm tra thì phát hiện bên trong có 01 lắc đeo tay bằng vàng 10K khoảng 1 chỉ và 01 hộp nhựa nhỏ màu đỏ. T mở hộp nhựa thì thấy có 01 đôi hoa tai hình tròn bằng vàng (vàng 9999) khoảng 1 chỉ. T bỏ lắc vàng và đôi hoa tai vào túi quần đang mặc rồi giấu chiếc hộp tôn vào trong áo đi sang sân từ đường họ Trần bỏ chiếc hộp vào cốp xe của T rồi cùng mọi người trong họ ăn cơm trưa. Khoảng 12 giờ cùng ngày T ăn cơm xong đã mang lắc vàng và đôi hoa tai đi bán, trên đường đi T đã vớt chiếc hộp tôn và chiếc hộp nhựa nhỏ xuống sông tưới tiêu áp đường gần nhà ông Trần Văn N ở xóm 11 xã T. Sau đó T đi xe đến cửa hàng vàng nhà anh Trần Văn H, sinh năm: 1988 ở xóm 3, xã T, chị Phạm Thị A (vợ anh H) kiểm tra và cân đôi hoa tai là 1 chỉ vàng 9999, chiếc lắc là vàng 10K 1chỉ rồi tính tiền; Đôi hoa tai có giá 3.400.000 đồng và chiếc lắc có giá 1.800.000 đồng trả cho T 5.200.000 đồng.

Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh kết luận: Đôi hoa tai là 1 chỉ vàng 9999 có giá trị: 3.520.000 đồng và chiếc lắc 1 chỉ vàng 10K giá trị: 1.680.000 đồng. Tổng giá trị số vàng là: 5.200.000 đồng.

Đối với số tài sản (Vàng) trên, sau khi T đã chiếm đoạt và bán cho chị A. Hiện Chị A đã chế tác thành sản phẩm mới và đã bán cho khách nên không thu hồi được. Chiếc hộp tôn và chiếc hộp nhựa đựng vàng của gia đình ông K sau khi bị chiếm đoạt T đã vớt xuống sông tưới tiêu. Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Chiếc búa đinh và chiếc tô vít mà T đã lấy của gia đình ông K làm công cụ thực hiện tội phạm. Cơ quan CSĐT đã thu giữ, hiện đã trả lại cho gia đình ông K. Ông K, bà T không yêu cầu T bồi thường số tài sản đã bị chiếm đoạt cũng như tài sản bị hư hỏng do hành vi chiếm đoạt đã gây ra và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Cáo trạng số 03/KSĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại: Ông Trần Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần Dân sự, về hình phạt, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng: Anh Trần Văn V không có ý kiến gì.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 nay là khoản 1 Điều 173 năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 nay là điểm s Điều 51BLHS năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Trục Ninh, Điều tra viên, VKSND huyện Trục Ninh, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ như: Lời khai của người bị hại, biên bản ghi lời khai nhân chứng, biên bản định giá tài sản, biên bản thu giữ vật chứng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 19/01/2017 Trần Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt đôi hoa tai là 1 chỉ vàng 9999 có giá trị: 3.520.000 đồng và chiếc lắc 1 chỉ vàng 10K giá trị: 1.680.000 đồng. Tổng giá trị số vàng là: 5.200.000 đồng và 50.000 đồng tiền mặt.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của Bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại tới quyền sở hữu về tài sản của công dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 20/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã xử phạt bị cáo Trần Văn T 18 tháng tù. Do đó cần nên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung ngoài xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình người bị hại có lời khai xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. HĐXX áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX quyết định tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm trừng trị đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tổng hợp hình phạt: Áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án.

[5] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ QUYẾT ĐỊNH;

1 . Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp hình phạt của Bản án số 67 ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xử phạt Trần Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/9/2017.

2. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật BLTTHS năm 1999 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày; Bị cáo Trần Văn T, người bị hại ông Trần Văn K có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Công an huyện: 2 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 1 bản;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo: 1 bản;
- Lưu HS
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu